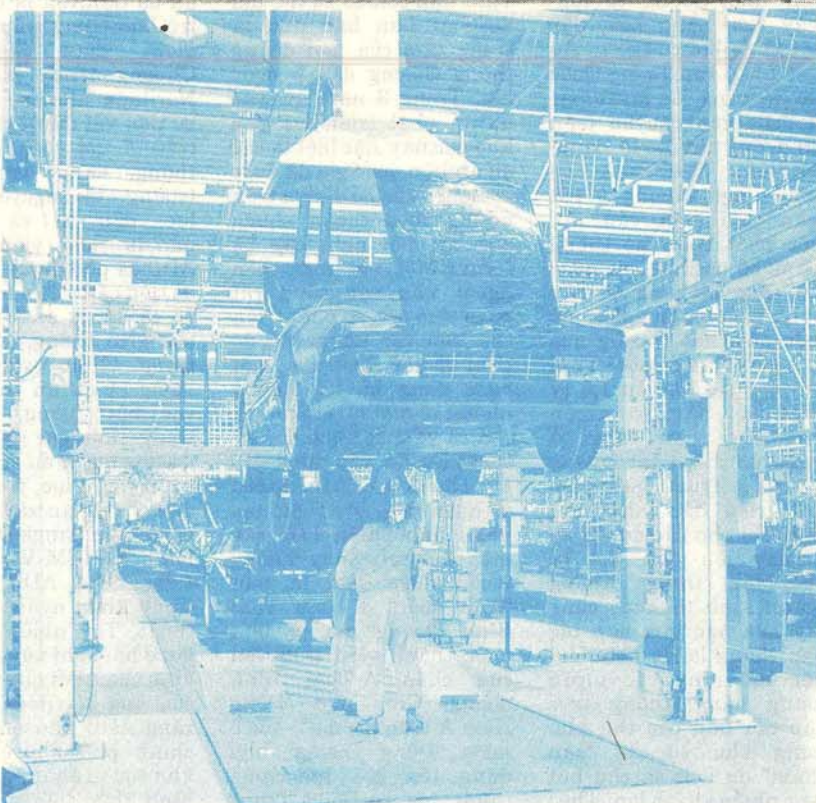


Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) trước đây có 6 nước, đó là Brunei, Indonesia, Malaysia, Philip-pin, Singapore, và Thái Lan. Ngày 28.7.1995 Việt Nam là nước thứ 7 trở thành hội viên chính thức của ASEAN.

Những năm 60 nền kinh tế hầu hết các nước ASEAN còn rất thấp. Thái Lan, Philippin đang còn là những nước nông nghiệp. Từ những năm 70 nền kinh tế các nước ASEAN bắt đầu mới chuyển mình, công nghiệp chế tạo bắt đầu phát triển. Những năm 80 nền kinh tế của các nước này bắt đầu phát triển mạnh và sang những năm 90 các nước ASEAN bước sang một giai đoạn mới có nhịp độ tăng trưởng kinh tế vào loại nhất thế giới. Hiện tại GDP trên đầu người của Brunei và Singapore là trên 15.000 USD, Thái Lan trên 2000 USD, thấp nhất là Indonesia là trên 600 USD. Trong khi đó VN chỉ mới hơn 200 USD. Trình độ phát triển của các nước ASEAN và VN có một khoảng cách khá lớn. Các nước ASEAN có một môi trường pháp lý khá hoàn chỉnh và có quan hệ kinh tế chính trị gần gũi nhau và với nhiều trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế. Trong khi đó Việt Nam mới từ cơ chế chỉ huy bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường nên hệ thống luật pháp còn thiếu và chưa hoàn chỉnh, có thể nói là đang ở giai đoạn khởi đầu. Hệ thống chính sách của VN đang còn thay đổi chưa ổn định, đang từng bước sửa đổi, hoàn chỉnh kiện toàn cho nên VN gia nhập ASEAN, gia nhập AFTA, thực hiện CEPT trong giai đoạn đầu sẽ gặp rất nhiều khó khăn phức tạp.



GIA NHẬP ASEAN, THAM GIA AFTA VÀ CEPT VÀ CÁC GIẢI PHÁP ỔN ĐỊNH, PHÁT TRIỂN

PTS. PHAN THÚC HUÂN

Việc thiết lập khối thị trường tự do AFTA được các bộ trưởng ngoại giao các nước ASEAN thông qua 15 năm xuống 10 năm và kết thúc vào năm 2003, các thành viên thuộc ASEAN bắt đầu thực hiện thời biểu mới giảm thuế quan, một số mặt hàng được giảm thuế, còn một số mặt hàng tạm thời được bảo hộ sau đó các nước tham gia AFTA (khu vực tự do mậu dịch ASEAN) và

CEPT (Hiệp định thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung) phải mở cửa thị trường gần như hoàn toàn, giảm thuế quan xuống từ 0 đến 5% và bãi bỏ tất cả các biện pháp can thiệp hành chính khác.

Việc tham gia AFTA và CEPT trong thời gian tới sẽ đưa VN bước sang một giai đoạn mới, một cơ hội mới cho sự phát triển của đất nước. Nhưng đồng thời cũng đưa VN đến một giai đoạn đầy thử thách quyết liệt với tình hình mới, bối cảnh mới. Tuy rằng tiến trình riêng với VN được lùi sau 3 năm so với các thành viên khác, nghĩa là sẽ được kết thúc vào năm 2006. Nhưng vì trình độ phát triển và hàng loạt các yếu tố về chính trị, kinh tế, xã hội, tình hình VN trong hơn 10 năm tới (đến năm 2006) là một thời kỳ chạy đua phát triển toàn diện với tốc độ cao, với biết bao nhiêu yếu tố chi phối, chỉ cần một sai lầm nhỏ trong điều kiện kinh tế vĩ mô sẽ tác động dây chuyền sai lệch cả hệ thống kinh tế xã hội. Những thành tích mà VN đạt được trong việc phát triển kinh tế từ năm 1988 đến nay cho thấy VN đã thể hiện và khẳng định được bước đi của mình, bánh xe lịch sử đã quay nhanh, nền kinh tế đang từng bước đi lên. Song cũng phải nhận thấy từ năm 1988 đến nay cũng có rất nhiều những vấn đề cần phải mổ xẻ phân tích một cách sâu sắc, thấy những kết quả đạt được cũng như thấy những vấn đề chưa được, những vấn đề còn tồn tại cho đến ngày nay, có thấy rõ một cách sâu sắc, có đánh giá đúng hiện trạng đất nước thì những chính sách và những biện pháp để ra mới sát thực tế và việc thực hiện đưa con tàu dân tộc đến bến của sự phát triển an toàn tránh được những giá trị quá đắt, không cần thiết mà có thể tránh được những bài học kinh nghiệm từ các nước đang phát triển, những cái giá phải trả cho sự phát triển kinh tế như các nước Nam Mỹ, một quá trình phát triển lệ thuộc đã xảy ra như Brazil, Argentina...Hoặc như Thái Lan về sự phát triển các tệ nạn xã hội.

Hiện nay trong tiến trình phát triển VN đang đứng trước những nguy cơ như nguy cơ tụt hậu, lệch hướng phát triển...sau khi Tổng thống Mỹ Bill Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ với VN vào lúc 13 giờ ngày 11.7.1995 tức là 1 giờ trưa ngày 12.7.1995 trong buổi lễ long trọng tại phòng phía đông Nhà Trắng và ngày 28.7.1995 tại Bandar Seri Begawan, thủ đô Brunei đã tổ chức buổi lễ kết nạp VN vào ASEAN. Sau những sự kiện trọng đại đó mọi vấn đề cần thiết phải làm càng trở nên cấp bách. Mọi vấn đề về kinh tế xã hội bên cạnh sự đẩy lùi quan nhưng cũng đầy sự

thách thức. Trong những năm tới tình hình kinh tế, xã hội thực tế như thế nào? Sự sinh tồn và phát triển ra sao? Nguồn vốn về con người cho sự phát triển như thế nào? Đó là những vấn đề nóng bỏng cấp bách cần phải giải quyết.

Để đạt đến sự hòa nhập với các nước ASEAN, các nước phát triển trong khu vực và thế giới; để đưa nước VN trở thành một nước "đàn giàu nước mạnh xã hội công bằng và văn minh" theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp cơ bản như sau:

1. Thứ nhất là xây dựng vốn con người, vấn đề này phải thực hiện trên hai khía cạnh.

- Khía cạnh về chuyên môn khoa học kỹ thuật, chúng ta biết

$Y = F(C, T)$

trong đó Y: thu nhập bình quân trên đầu người

C: tích lũy vốn sản xuất

T: tích lũy vốn kiến thức công nghệ

Công cụ của phát triển kinh tế là quá trình tích lũy vốn sản xuất và tích lũy vốn kiến thức công nghệ. Việc tích lũy vốn sản xuất hay nói một cách khác vốn tư bản cho phát triển sản xuất trong bối cảnh hiện nay có thể thực hiện luôn bằng vốn đầu tư của cả trong nước và ngoài nước. Tổng số vốn đầu tư từ nước ngoài vào VN từ năm 1988 đến 1994 là 3.878 triệu USD (vốn đăng ký theo giấy phép là 11.545 triệu USD). Sáu tháng đầu năm 1995 tổng số vốn đăng ký được cấp giấy phép là 3.593 triệu USD, trong thời gian tới ngày càng nhiều. Nguồn vốn trong nước nếu khai thác được hết và đưa vào phát triển sản xuất là vô cùng to lớn.

Khía cạnh về đạo đức tác phong công nghiệp, đây là một vấn đề vô cùng quan trọng của vốn con người. Đối với vấn đề này để đạt đến tiêu chuẩn vốn con người của một nước phát triển là cả một quá trình lâu dài không thể vài ba năm mà làm được.

2. Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý nhà nước tinh gọn có hiệu suất cao phù hợp với cơ chế thị trường mới: Hiện nay hệ thống tổ chức quản lý nhà nước ở nước ta còn rất cồng kềnh, công việc còn trùng lặp lãng phí nhân lực, hiệu suất công việc còn thấp. Vì vậy vấn đề xây dựng cải tổ lại hệ thống quản lý nhà nước là vô cùng quan trọng cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

3. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính từ địa phương đến trung ương, xây dựng tác phong làm việc nhanh gọn theo những quy chế hành chính rõ ràng nghiêm túc. Xóa bỏ và giảm bớt những thủ tục rườm rà cản trở sự phát triển.

4. Hoàn thiện hệ thống luật pháp nhà nước, tạo môi trường sống

và làm việc theo pháp luật. Pháp luật trở thành công cụ tạo nên sự trật tự an ninh xã hội và văn minh, pháp luật thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.

5. Đẩy mạnh công việc hoàn thiện cơ cấu kinh tế phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội, với cơ chế thị trường. Khai thác được tiềm năng thiên nhiên và xã hội, phát triển được thế mạnh của đất nước, của dân tộc tạo nên một cơ cấu kinh tế hợp lý tối ưu thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước.

6. Tiêu chuẩn hóa trong việc sử dụng cán bộ các cấp, các ngành về trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế. Nhanh chóng điều chỉnh lại việc sử dụng cán bộ trước đây giữ những công việc, những chức năng không đúng với trình độ, với sở trường, làm việc quá tải gây cản trở sự phát triển của các ngành, của đất nước. Đẩy mạnh việc khai thác tiềm năng của con người, khai thác vốn tri thức của đội ngũ trí thức chưa được sử dụng hoặc chưa sử dụng hết vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước.

7. Đẩy mạnh công cuộc chống tham nhũng, chống lãng phí trong toàn quốc với những biện pháp cứng rắn, đồng bộ chặt chẽ hiệu quả cao. Đây là vấn đề rất gay go phức tạp cho nên phải phát động cả toàn dân tham gia và phải liên tục nhiều năm mới đạt được kết quả mong muốn.

8. Đẩy mạnh hơn nữa quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp. Lẽ tất nhiên trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay ở nước ta nếu quá trình này thực hiện với tốc độ nhanh ào ạt sẽ gây nên những biến động dẫn hậu quả bất lợi đối với kinh tế xã hội. Vì vậy phải thực hiện quá trình này với tốc độ cân bằng và hiệu quả cao phù hợp với sự phát triển của đất nước, tạo nên động lực cho công cuộc phát triển kinh tế của đất nước.

9. Xây dựng thị trường chứng khoán hợp lý, hiệu quả để khơi động mọi nguồn vốn trong nước, khuyến khích dân chúng tiết kiệm, thu hút mọi nguồn vốn nhàn rỗi vào đầu tư, thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài vào nước ta phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế.

10. Quản lý vốn vay từ các nguồn vốn trong nước và ngoài nước đặc biệt là nguồn vốn ngoài nước một cách chặt chẽ và sử dụng vốn vay đó với hiệu quả cao là một vấn đề vô cùng quan trọng. Nhiều nước đang phát triển đưa tốc độ phát triển kinh tế lên nhanh nhờ việc quản lý tốt vốn vay. Có thể nói Thái Lan là một trong những nước điển hình đưa nền kinh tế phát triển nhanh do thành công trong việc quản lý vốn vay này ■